

TÙ VỰNG 2 • Unit 1 ► My Hobbies

1. foreign languages	v	ngoại ngữ
2. do gardening	v	làm vườn
3. result	n	kết quả
4. play monopoly	v	Chơi cờ tỉ phú
5. make pottery	v	làm gốm
6. carve – carving	v	Điêu khắc (cái gì đó)
7. wood	n	Gỗ
8. ice-skate	v	Trượt băng
9. make models	v	Làm mô hình
10. egg-shells	n	Vỏ (trứng vịt, gà, ...)
11. fragile	adj	Dễ bể, vỡ



Điền vào chỗ trống với từ thích hợp để hoàn thành câu

1. My friend can speak three _____ - English, Chinese and French.
2. I usually play _____ with my younger brother in my free time. We have a lot of fun.
3. These carved egg-shells are very _____.
4. My grandparents like planting and taking care of trees and flowers. They love _____ a lot, they can spend hours in the garden.
5. My children like _____ of cars, buildings, and robots.
6. My father started carving _____ three years ago.
7. Bát Tràng is famous for _____.
8. My brother enjoys _____ wood because it develops his imagination and trains his patience.
9. He always gets good _____ at school because he studies very hard.
10. In the winter, we usually go _____ in mountains.

Điền vào từ thích hợp để hoàn đoạn văn



I have a lot of different hobbies. One of my favorite hobbies is learning _____ (11). I like learning English, French and Chinese because they are very useful for me in the future. My next hobby is _____ (12). I usually spend my weekends in the garden with my grandparents. I love watching green trees, colorful flowers and birds singing in the sky. I don't like outdoor activities such as playing soccer, going surfing, or _____ (13) because they are very challenging. The last one I want to share is quite unusual – carving _____ (14). It usually takes me hours or days to complete one shell. I started _____ (15) egg-shells two years ago. I usually use my _____ (16) to decorate my house and give my friends as unique presents.



TÙ VỰNG 3 ● Unit 1 ► My Hobbies

1. amazing = wonderful	adj	tuyệt vời
2. complete sth completion	v n	hoàn thành xong (cái gì đó) sự hoàn thành xong
3. gifts = presents	n	quà
4. intend to (do sth)	v	có ý định sẽ (làm gì đó)
5. decorate sth decoration	v n	trang trí sự trang trí
6. (in) nature	n	(trong) tự nhiên
7. display sth	v	trưng bày cái gì đó
8. vase	n	bình hoa
9. bowl	n	tô chén
10. clay	n	đất sét



Điền vào chỗ trống với từ thích hợp để hoàn thành câu

- She uses her bottle collection to _____ her house. It looks so beautiful.
- I really love this _____ of rice. It is decorated with colorful patterns.
- It usually takes two weeks to _____ one carved egg-shell.
- My younger brother likes playing with _____. He usually makes lot of animals such as buffaloes, tigers, and ducks from it.
- Nick and I _____ to go to the supermarket this afternoon? Would you like to join us?
- My father sometimes _____ his carved egg-shells at the local art gallery and museum. Everyone seems to be very interesting with his work.
- My mother usually arranges flowers with this _____. It's her favorite one.
- I am reading a book about various animals in _____.
9. Nick usually makes hand-made _____ to give me on my birthdays.
- The _____ of this carved egg-shell takes about two weeks.
- I really like the _____ of the book cover. It looks attractive.
- It's _____ to go surfing.

TÙ VỰNG 4 ● Unit 1 ► My Hobbies

1. keep fit	v	giữ dáng
2. leaf → leaves	n	lá (cây)
3. briefly	adv	ngắn gọn
4. collage	n	tranh được ghép lại từ nhiều tranh nhỏ



Điền vào chỗ trống với từ thích hợp để hoàn thành câu

- My English teacher introduced himself _____ and began his lesson.
- Collect as many pictures as possible, then glue them together. Finally, show and describe your _____ to your class.
- My sister eats healthily and does exercise regularly to _____.
- I usually help my mother sweep _____ in the front yard every morning.

